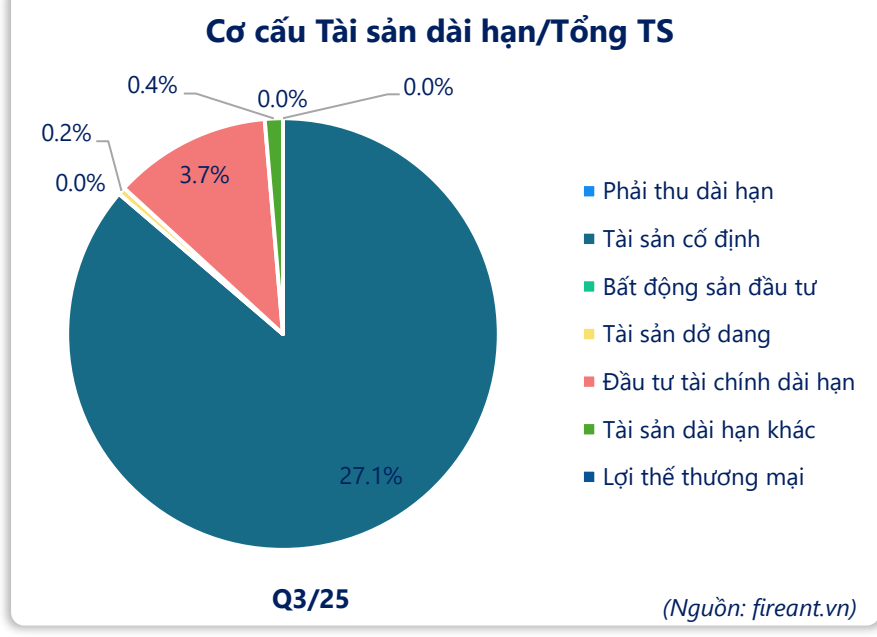
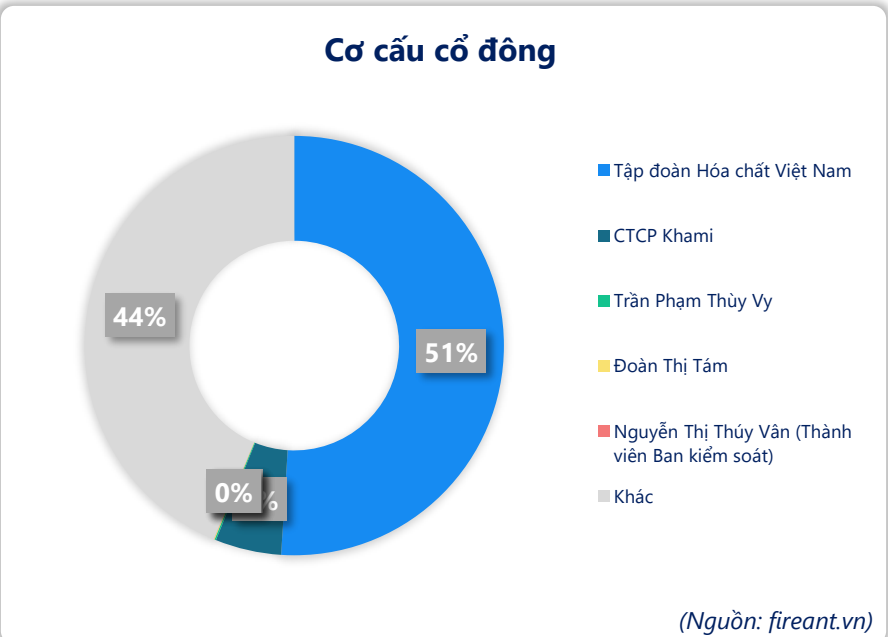
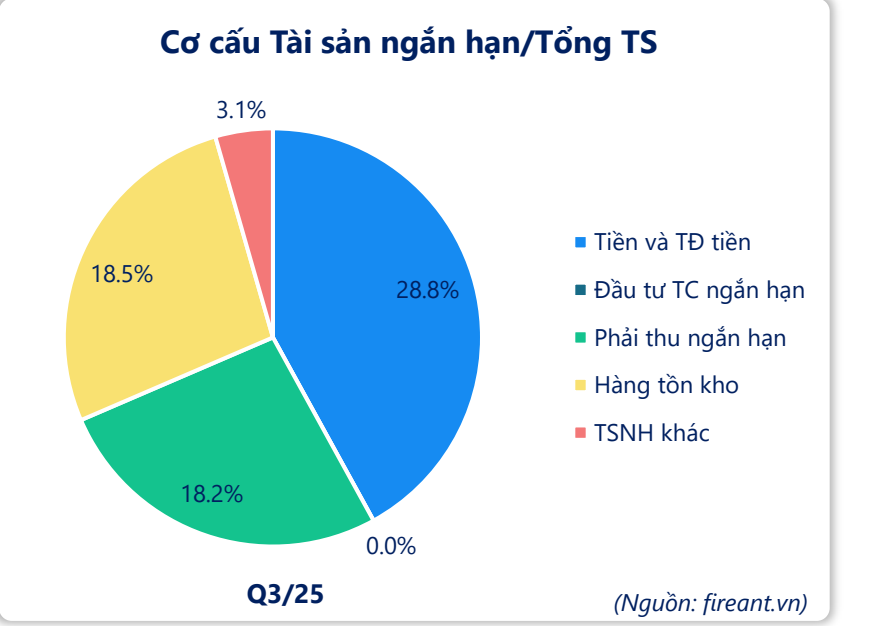
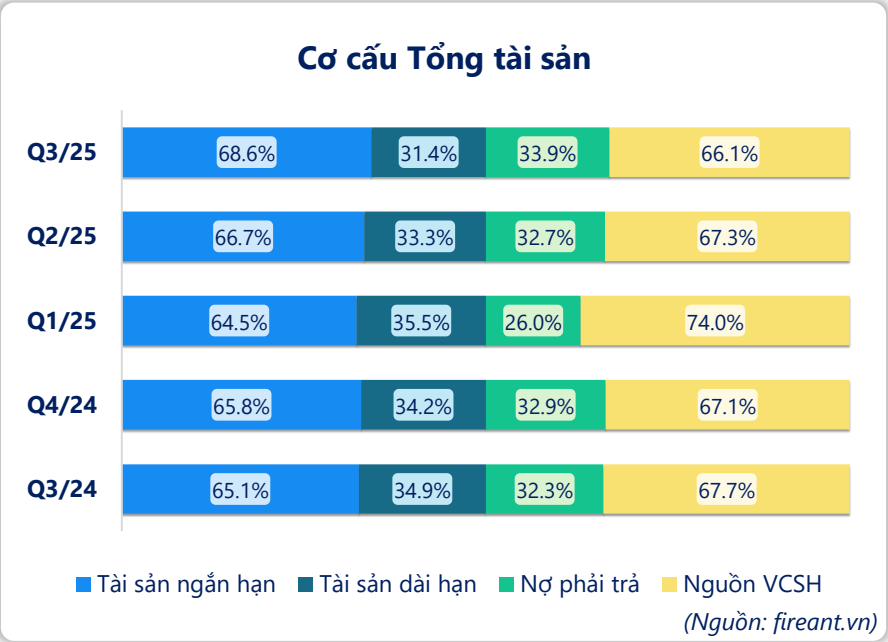
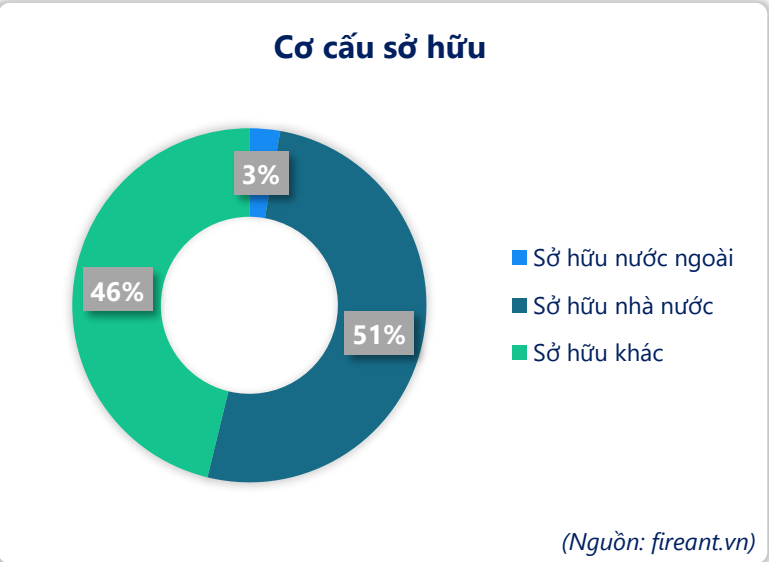
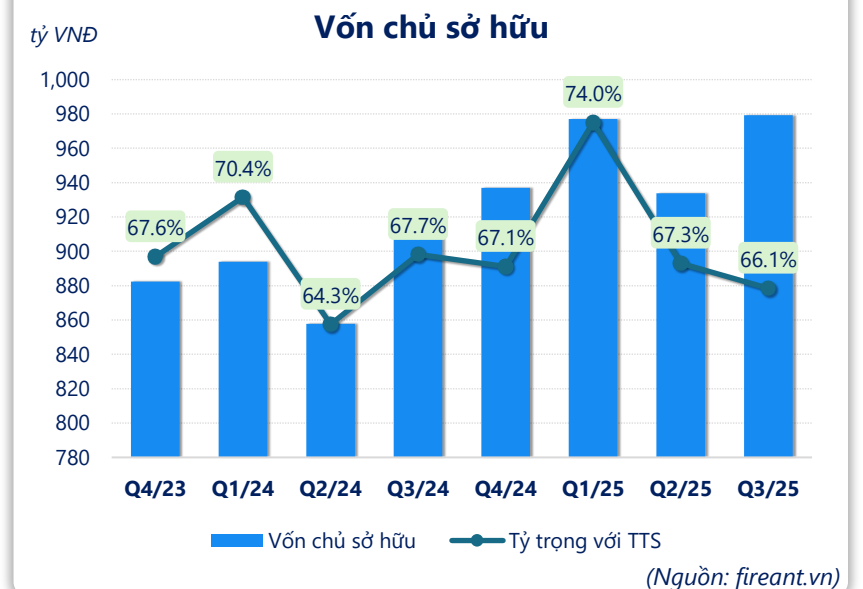
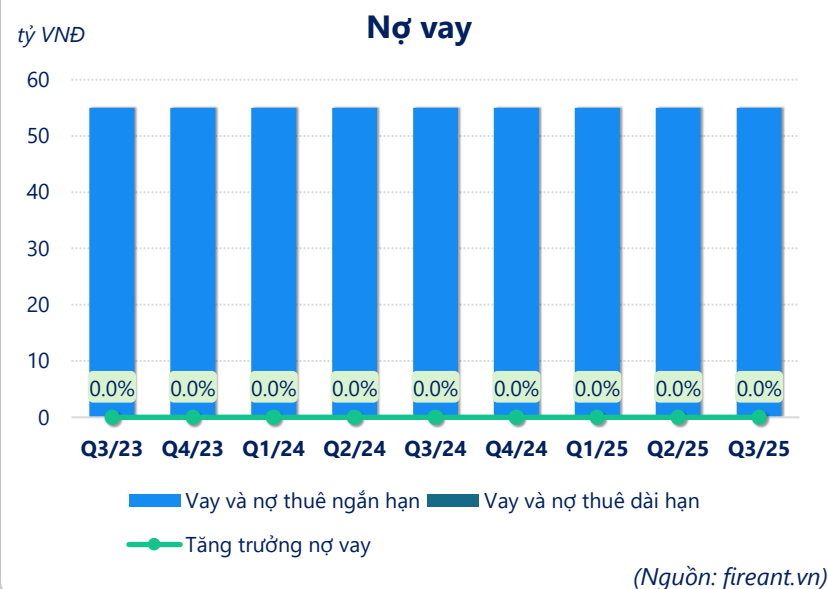
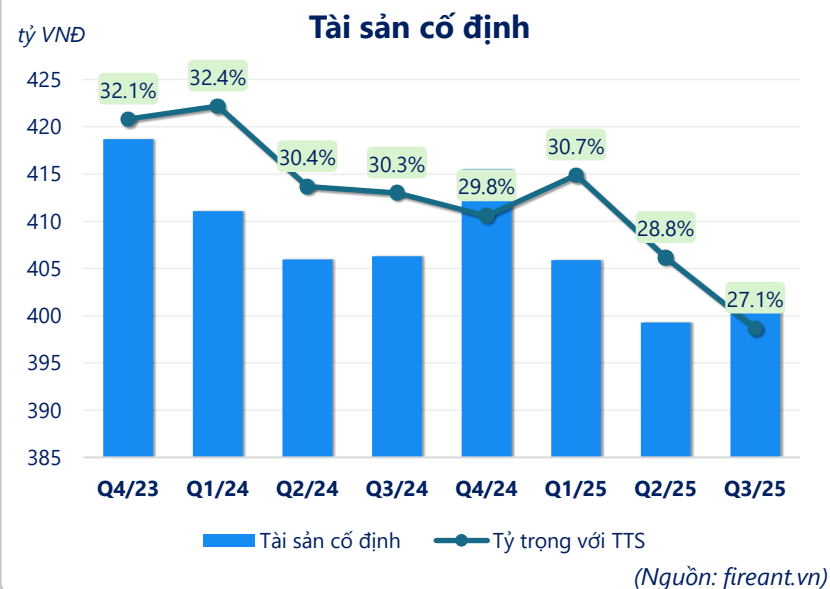
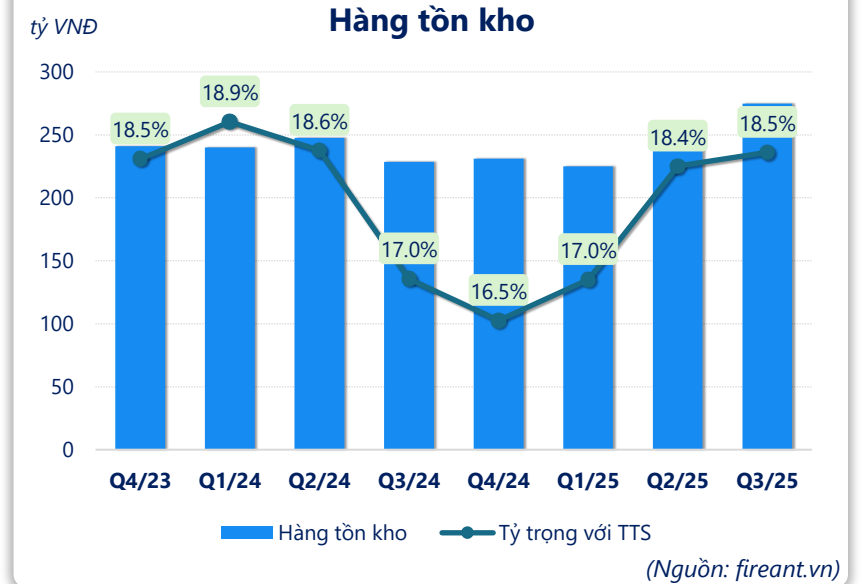
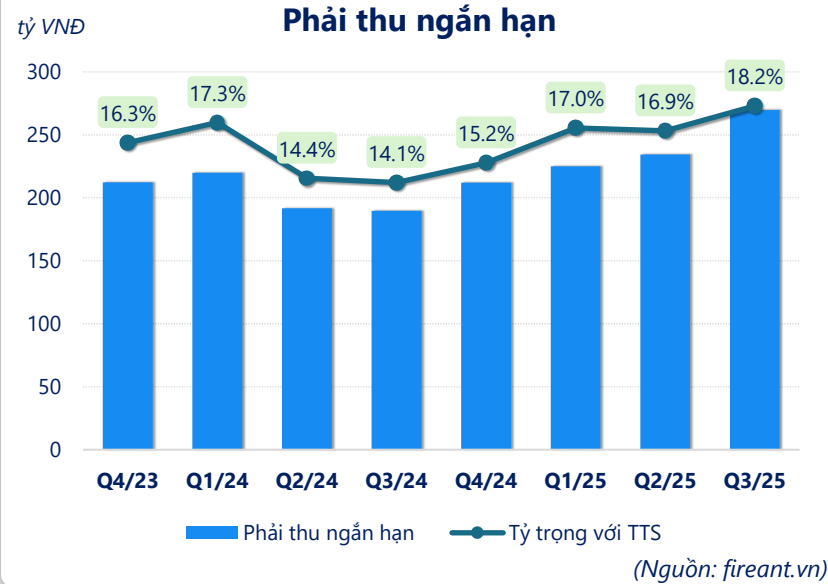
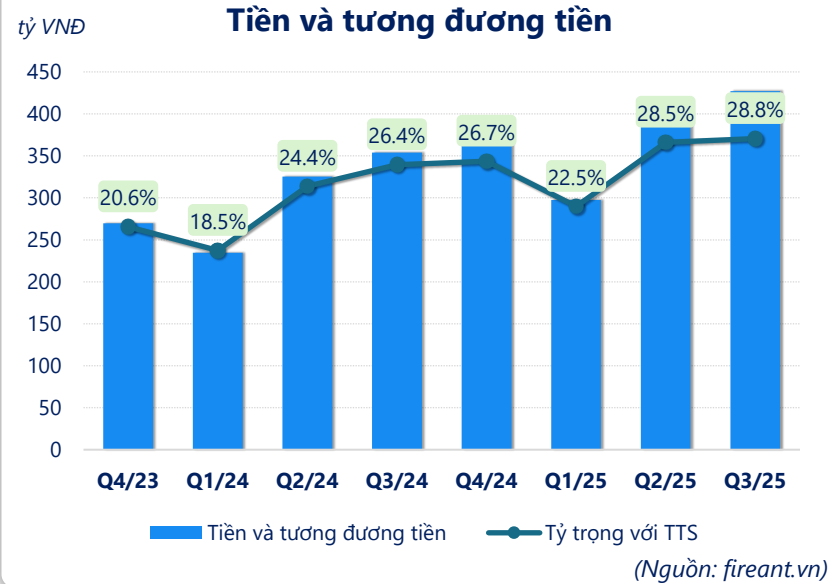
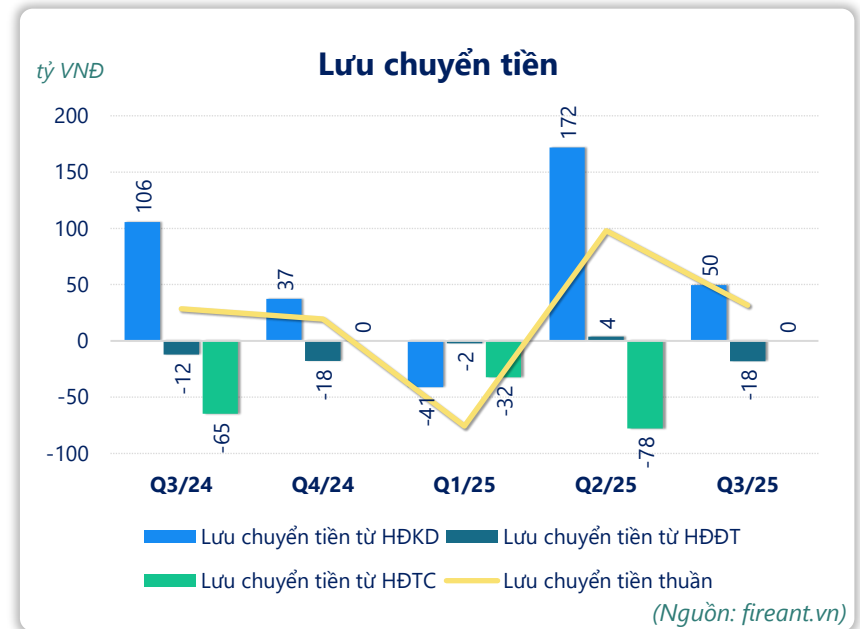
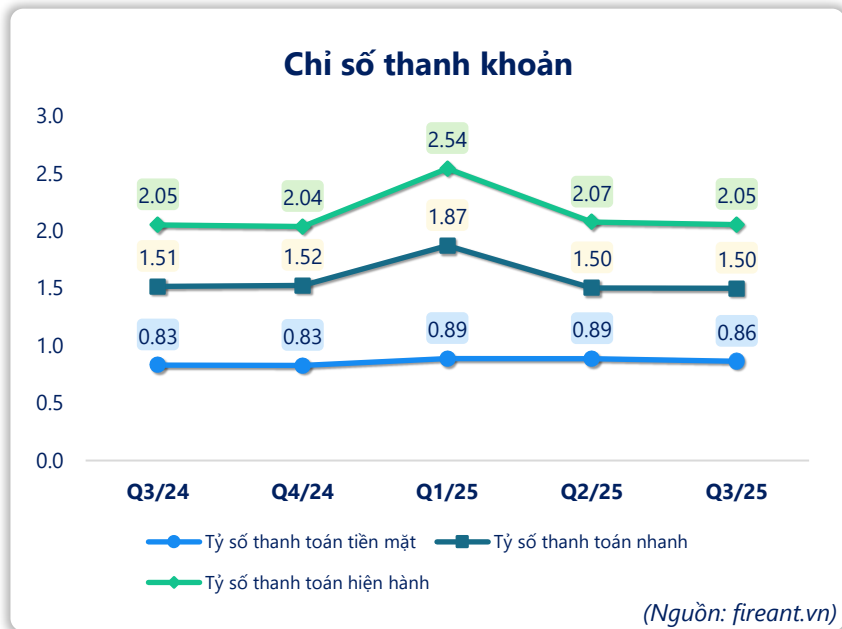
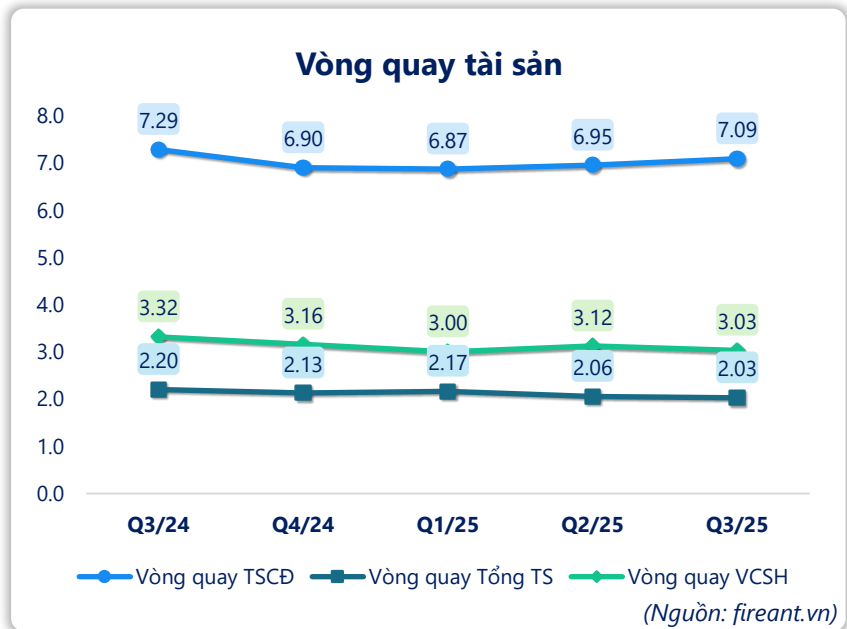
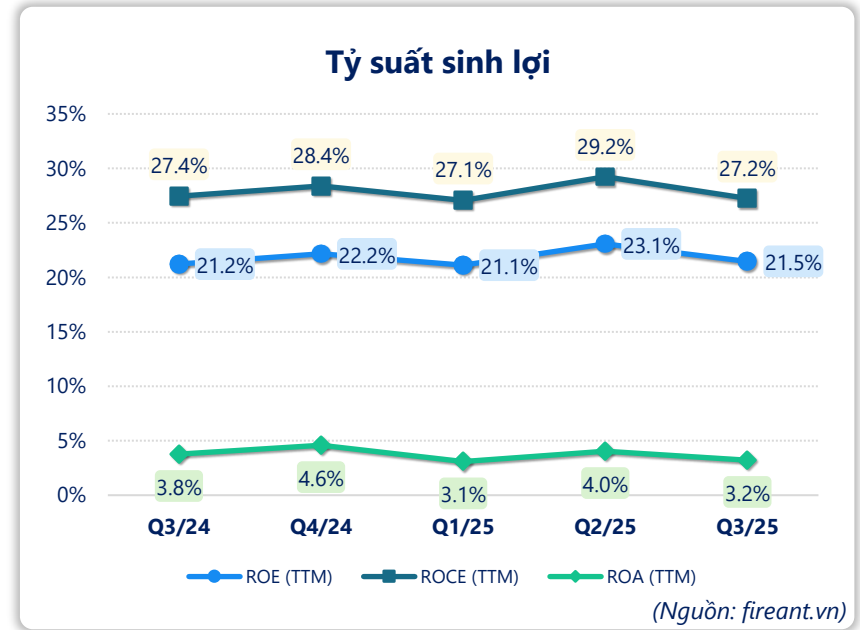
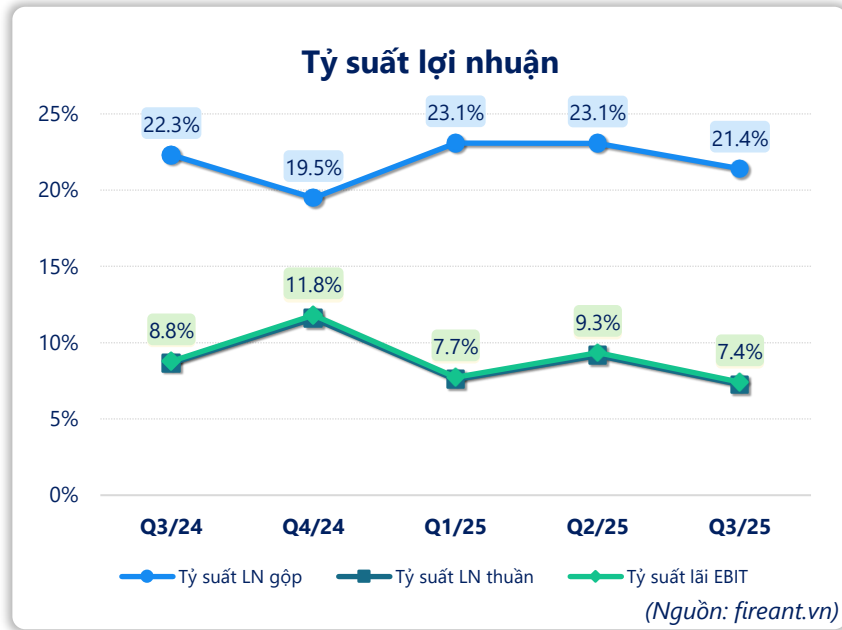
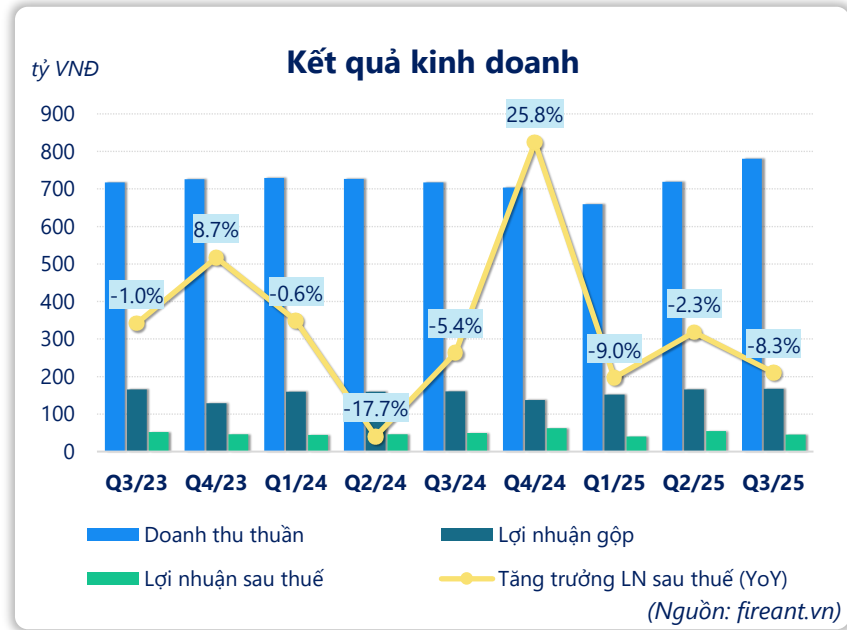


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,977
SL cổ phiếu LH		64,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		28,430
% sở hữu nước ngoài		2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,245
P/E		11.1
EPS		3,125

	YTD	1T	3T	6T
LIX	7.8%	-0.9%	14.2%	13.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,482	1,396	6.2%
Tài sản ngắn hạn	1,017	919	10.7%
Tiền và tương đương tiền	427	373	14.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	270	212	27.2%
Hàng tồn kho	275	231	19.0%
Tài sản ngắn hạn khác	45.2	102	-55.8%
Tài sản dài hạn	465	478	-2.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	401	416	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.62	2.00	30.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	55.0	55.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	6.30	5.41	16.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	503	460	9.5%
Nợ ngắn hạn	495	451	9.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.0	55.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	242	209	16.1%
Nợ dài hạn	7.99	8.41	-4.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	979	937	4.5%
Vốn chủ sở hữu	979	937	4.5%
Vốn điều lệ	648	648	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	717	704	660	719	781
Giá vốn hàng bán	557	567	507	553	613
Lợi nhuận gộp	160	137	152	166	167
Doanh thu HĐTC	3.97	5.51	4.24	16.0	6.32
Chi phí TC	1.88	1.50	1.18	1.47	1.08
Chi phí lãi vay	0.97	0.97	0.95	0.96	0.97
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	58.5	19.6	59.9	64.7	73.7
Chi phí QLDN	41.4	40.1	45.3	49.8	42.1
LN thuần từ HĐKD	62.1	81.5	50.1	65.9	56.6
Lợi nhuận khác	-0.08	0.61	0.02	0.31	0.26
LN trước thuế	62.0	82.1	50.1	66.2	56.9
Lợi nhuận sau thuế	49.6	62.0	40.1	55.0	45.5
LNST của CĐ cty mẹ	49.6	62.0	40.1	55.0	45.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	106	37.2	-41.0	172	49.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.1	-17.9	-2.25	3.73	-18.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-64.8	0	-32.4	-77.8	0
Tiền đầu kỳ	325	354	373	298	395
Lưu chuyển tiền thuần	28.7	19.3	-75.6	97.9	31.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.04	0	-0.04	0.04
Tiền cuối kỳ	354	373	298	395	427

(Nguồn: fireant.vn)